

CÓ THỂ KÊ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TẠI NHÀ!

2 0 2 2

Cách lập tờ khai quyết toán thuế
thông qua trang chủ của Tổng cục Thuế Quốc gia
dành cho người làm công ăn lương



[Tiếng Việt]

Tháng 1 năm 2023

Cách thức lập tờ khai quyết toán thuế

1. Vui lòng xem bản hướng dẫn này để có thể lập tờ khai quyết toán thuế thông qua trang chủ (<https://www.keisan.nta.go.jp/kyoutu/ky/sm/top#bsctrl>).
2. Điền địa chỉ, họ tên và những hạng mục cần thiết khác vào “Giấy xác nhận hình thức cư trú”.
3. Điền địa chỉ, họ tên vào “Giấy dán tài liệu đính kèm” và đính kèm các giấy tờ cần thiết.
4. Tải mẫu “Giấy xác nhận hình thức cư trú” từ trang web <https://www.nta.go.jp/taxes/shiraberu/shinkoku/yoshiki/01/shinkokusho/pdf/r03/19.pdf> rồi in ra.

Tải về

[Lưu ý]

Bản hướng dẫn này giải thích cách lập tờ khai quyết toán thuế cho những người quên đưa người phụ thuộc vào phần điều chỉnh thuế cuối năm hoặc những người muốn được khấu trừ chi phí y tế, v.v...



<https://www.nta.go.jp/taxes/shiraberu/shinkoku/syotoku/r04.htm>

<https://www.nta.go.jp/taxes/shiraberu/shinkoku/yoshiki/01/shinkokusho/pdf/r04/19.pdf>

<https://www.nta.go.jp/taxes/shiraberu/shinkoku/syotoku/r04.htm>

Bản hướng dẫn



& Giấy xác nhận hình thức cư trú &

Giấy dán tài liệu đính kèm

Xem hướng dẫn để lập và in tờ khai quyết toán thuế.

Điền các nội dung cần thiết như địa chỉ, họ tên, v.v...

Đính kèm



Bản sao thẻ cư trú (hoặc giấy đăng ký người nước ngoài)



Bảng kê chi tiết khấu trừ chi phí y tế

Nộp qua đường bưu điện



CHÚ Ý

Xin vui lòng đọc kỹ trước khi lập tờ khai!



Nhân viên thuế Futaba

Quyển sổ tay này giải thích cách lập tờ khai quyết toán thuế dành cho người nước ngoài đang làm việc tại các công ty của Nhật Bản.

Do đó, chỉ những người nhận lương từ công ty mới có thể lập tờ khai quyết toán thuế theo cách này.

Ngoài ra, có nhiều khoản khấu trừ khác nhau có thể được khấu trừ khỏi thu nhập khi tính thuế (khấu trừ thu nhập), nhưng ở đây chúng tôi chỉ giải thích cho các trường hợp sau đây.

1. Trường hợp có người thân là người phụ thuộc
(Trừ trường hợp đang nuôi dưỡng những người ngoài đối tượng được liệt kê ở mục ④ trang 15, hoặc nuôi dưỡng người thân từ 70 tuổi trở lên đang sống cùng.)
2. Trường hợp đang đóng tiền Bảo hiểm y tế quốc gia
3. Trường hợp đang đóng tiền Bảo hiểm hưu trí quốc gia
4. Trường hợp đang đóng các khoản quyên góp
5. Trường hợp đang chi trả các khoản chi phí y tế
(Ngoại trừ các trường hợp áp dụng: Ngoại lệ đối với các khoản khấu trừ chi phí y tế khi mua thuốc không kê đơn được chỉ định, v.v.)

Do đó, **những người đang tự kinh doanh cửa hàng**, những người đang làm công ăn lương nhưng **có khoản thu nhập khác ngoài lương** hoặc những người xây nhà mới, muốn **nhận khấu trừ đặc biệt cho các khoản vay về nhà ở**, v.v... cần lưu ý rằng sẽ không thể lập được tờ khai quyết toán thuế theo bảng hướng dẫn này.



Người đang tự kinh doanh cửa hàng



Người muốn nhận khấu trừ đặc biệt cho các khoản vay về nhà ở.

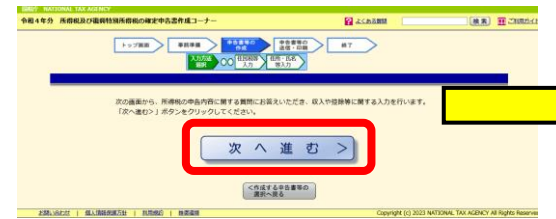
Để lập tờ khai quyết toán thuế, hãy chuẩn bị sẵn những giấy tờ sau.

1. Phiếu khấu trừ thuế tại nguồn
2. Bản sao thẻ cư trú (hoặc giấy chứng nhận đăng ký người nước ngoài) (cả 2 mặt)
3. Giấy tờ có thể xác định mã số cá nhân (thẻ my number hoặc thẻ thông báo, v.v...)
4. Trường hợp muốn được áp dụng khấu trừ người phụ thuộc:
 - (1) Nếu người phụ thuộc đang sống ở Nhật
Bản sao thẻ cư trú (hoặc giấy chứng nhận đăng ký người nước ngoài) của người phụ thuộc
 - (2) Nếu người phụ thuộc không sống ở Nhật
 - 1) Giấy khai sinh hoặc giấy đăng ký kết hôn
 - 2) Giấy tờ chứng minh việc chuyển tiền cho người phụ thuộc

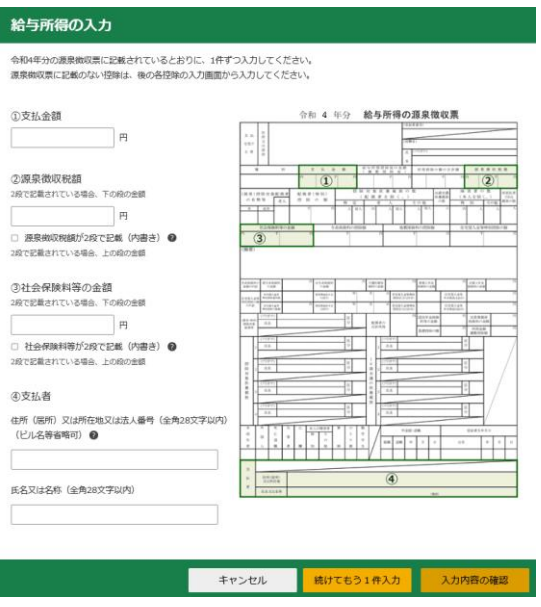
(Lưu ý)

 - a. Giấy tờ ở mục 1) cần bản gốc. Giấy tờ ở mục 2) có thể nộp bản gốc hoặc bản sao.
 - b. Nếu có nhiều người phụ thuộc thì giấy tờ ở mục 2) cần đính kèm riêng phần từng người.
 - c. Nếu hồ sơ ở các mục 1), 2) được lập bằng tiếng nước ngoài, hãy đính kèm theo bản dịch.
 - d. Cùng một người sẽ không thể cùng lúc làm người phụ thuộc của 2 người.
5. Bản sao mặt trước và mặt sau trang bìa sổ ngân hàng.
6. Đối với khấu trừ tiền Bảo hiểm xã hội
Với những người đang tham gia Bảo hiểm y tế quốc gia và những người đang đóng Bảo hiểm hưu trí quốc gia,
hãy chuẩn bị sẵn giấy chứng nhận đã thanh toán tiền bảo hiểm.
7. Khấu trừ cho các khoản quyên góp.
Người đã đóng các khoản quyên góp hãy chuẩn bị giấy chứng nhận khấu trừ cho các khoản quyên góp
8. Trường hợp khấu trừ chi phí y tế
Những người đã chi trả số tiền vượt quá 100.000 yên cho chi phí y tế, hãy chuẩn bị hóa đơn chi phí y tế và lập "Bảng kê chi tiết khấu trừ chi phí y tế".
Ngoài ra, tùy vào mức thu nhập, bạn cũng có thể được khấu trừ chi phí y tế dù số tiền chi trả dưới 100.000 yên.

Số	Màn hình	Cách thao tác
①		Mở trang chủ của Tổng cục Thuế Quốc gia (https://www.nta.go.jp) 確定申告書等作成コーナー Trong phần thủ tục kê khai (申告手続), click vào mục “確定申告書等作成コーナー” (“Góc lập tờ khai quyết toán thuế”)
②		Click vào nút  作成開始 > (“Bắt đầu lập”)
③		Click vào nút  (“In ra và nộp”)

Số	Màn hình	Cách thao tác
④		Xác nhận môi trường khuyến nghị Click vào nút 利用規約に同意して次へ (“Đồng ý với điều khoản sử dụng và đi tiếp”)
⑤		Click vào nút 所得税 Click vào nút 所得税 Click vào nút “Thuế thu nhập” Lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập (như khấu trừ chi phí y tế, khấu trừ các khoản quyền góp, khấu trừ các khoản vay về nhà ở, v.v...)”.
⑥		Click vào nút 次へ進む (“Đi tiếp”)
⑦		Ngày tháng năm sinh của người kê khai Năm__tháng__ngày__ Ngày tháng năm sinh đã nhập sẽ hiển thị trên tờ khai và được dùng để tính toán số tiền khấu trừ. Click chọn “西暦” (Năm dương lịch) ở dưới cùng.

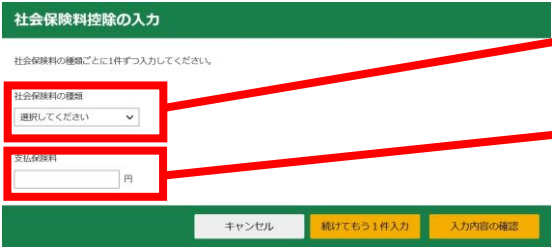
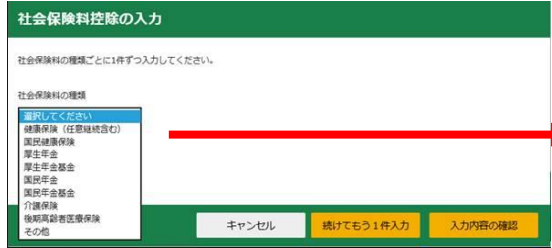
Số	Màn hình	Cách thao tác
⑧		Nhap ngày tháng năm sinh của bản thân. Ví dụ 申告される方の生年月日 西暦 1972 年 3 月 14 日 入力した生年月日は、申告書等への表示や控除額の計算に使用します。
⑨		*Dưới đây là phần giải thích về ví dụ nhập đối với người chỉ có 1 tờ “Phiếu khấu trừ thuế tại nguồn” và chưa hoàn thành việc điều chỉnh tiền thuế cuối năm. Câu hỏi liên quan đến nội dung kê khai - Với câu hỏi “Bạn có khoản thu nhập nào cần kê khai ngoài tiền lương không?”, click vào “いいえ (Không)”. - Với câu hỏi “Bạn chỉ có 1 tờ Phiếu khấu trừ thuế tại nguồn phải không?”, click vào “はい (Đúng)”. - Với câu hỏi “Bạn đã hoàn thành việc điều chỉnh tiền thuế cuối năm ở nơi làm việc chưa?”, click vào “いいえ (Chưa)”. - Với câu hỏi “Bạn đã nhận được thông báo về số tiền dự tính phải nộp từ Sở thuế rồi phải không?”, click vào “いいえ (Chưa)”.
⑩		Click vào nút 次へ進む (“Đi tiếp”)
Thu nhập từ lương		
⑪		Click vào nút “Nhap” trong phần 給与所得 (Thu nhập từ lương).

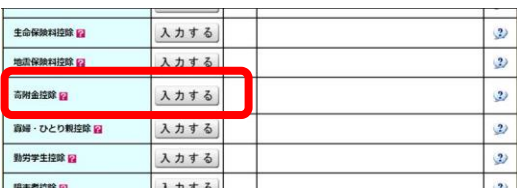
Số	Màn hình	Cách thao tác
12		入力する Click vào nút (“Nhập”).
13		①支払金額 ②源泉徴収税額 ③社会保険料等の金額 ④支払者 Xem Phiếu khấu trừ thuế tại nguồn và nhập các khoản tiền sau: ① Số tiền phải đóng, ② Khoản tiền thuế khấu trừ tại nguồn, ③ Khoản chi phí Bảo hiểm xã hội, v.v... * Không nhập dấu chấm, dấu phẩy khi nhập số × 2.115.560 ○ 2115560 * Không nhập phiếu khấu trừ thuế tại nguồn đối với giai đoạn không phải là người thường trú tại Nhật. Xem Phiếu khấu trừ thuế tại nguồn và nhập ④ Địa chỉ (nơi ở) hoặc mã số thuế của bên trả lương. Xem Phiếu khấu trừ thuế tại nguồn, nhập họ tên hoặc tên pháp nhân của bên trả lương.
14		(Nếu bạn vẫn còn Phiếu khấu trừ thuế tại nguồn khác phải nhập thì click vào nút 続けてもう1件入力 (“Nhập thêm một phiếu nữa”) rồi nhập chữ số theo cách làm tương tự). * <u>Kiểm tra lại xem năm của phiếu khấu trừ thuế tại nguồn có khớp nhau không.</u> 令和 4 年分 給与所得の源泉徴収票 Sau khi nhập xong phiếu khấu trừ thuế tại nguồn thì click vào nút 入力内容の確認 (“Kiểm tra nội dung đã nhập”).
15		Kiểm tra số tiền đã nhập Click vào nút 次へ進む (“Đi tiếp”).

Số	Màn hình	Cách thao tác
16		Sau khi đã nhập xong số tiền thu nhập, click vào nút 入力終了(次へ)> (“Nhập xong (đi tiếp)”)
17		Nếu bạn đang chi trả chi phí y tế, Click vào nút “Nhập” của phần “Khấu trừ chi phí y tế” Nếu không chi trả thì không click, chuyển sang mục ②⑤ ở trang 10.
18		Lựa chọn khoản khấu trừ chi phí y tế được áp dụng. Click vào phần 医療費控除を適用する (“Áp dụng khấu trừ chi phí y tế”)
19		Chọn phương pháp nhập khấu trừ chi phí y tế Tại đây, nhập dữ liệu từ hóa đơn chi phí y tế để lập bảng kê chi tiết Sau khi click vào phần 領収書から入力する (“Nhập từ hóa đơn chi phí y tế”), click vào nút 次へ進む (“Đi tiếp”)

Số	Màn hình	Cách thao tác
20		Click vào nút  (“Nhập”).
21		Nhập “Họ tên người được chăm sóc y tế” *Nhập dưới 10 ký tự định dạng 2 byte (Zenkaku). Nhập “Tên của bên được thanh toán như bệnh viện, nhà thuốc,v,v,,,” *Dưới 20 ký tự định dạng 2 byte (Zenkaku). Lựa chọn các mục tương ứng từ phần [医療費の区分（複数選択可）] (“Các khoản chi phí y tế (Có thể chọn nhiều mục)”) ☐ 診療・治療 ☐ 医薬品購入 Thăm khám, chữa trị Mua thuốc ☐ 介護保険サービス ☐ その他の医療費（通院費など） Dịch vụ bảo hiểm chăm sóc Chi phí y tế khác (như chi phí điều trị ngoại trú, v.v...) Nhập vào phần “A. Khoản chi phí y tế đã thanh toán” Nếu có “Khoản tiền được Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm xã hội chi trả cho các chi phí trong mục A” thì nhập vào. Các chi phí y tế đã thanh toán trong năm 2022 là đối tượng được khấu trừ chi phí y tế. Bạn có thể nhập tổng số tiền đã chi trả cho từng “tên của bên được thanh toán như bệnh viện, nhà thuốc, v.v...” thay vì nhập “từng hóa đơn”.
22		(Trường hợp có các chi phí y tế khác cần nhập vào thì click vào nút  (“Tiếp tục nhập thêm 1 khoản nữa”) và nhập chữ số theo cách làm tương tự.) Click vào nút  (“Kiểm tra nội dung đã nhập”)

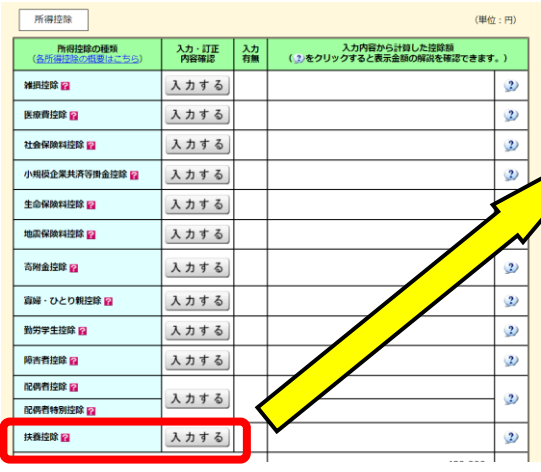
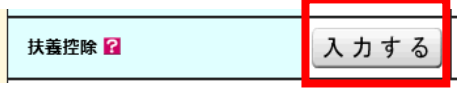
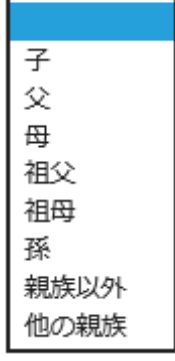
Số	Màn hình	Cách thao tác
23		(Trường hợp có các chi phí y tế khác cần nhập vào thì click vào nút 別の医療費を入力する (“Nhập chi phí y tế khác”) rồi nhập chữ số theo cách làm tương tự.) Sau khi đã nhập xong toàn bộ các chi phí y tế, click vào nút 次へ進む (“Đi tiếp”).
24		Màn hình xác nhận kết quả tính toán (khấu trừ chi phí y tế) sẽ được hiển thị, hãy kiểm tra kết quả này và click vào nút 次へ進む (“Đi tiếp”)
Khấu trừ Bảo hiểm xã hội		
25		Nếu bạn đang đóng các khoản phí Bảo hiểm xã hội như Bảo hiểm y tế quốc gia, Bảo hiểm hưu trí quốc gia thì 社会保険料控除 入力する Click vào nút “Nhập” trong phần “Khấu trừ Bảo hiểm xã hội”. Nếu không đóng thì không click vào, chuyển đến mục ③1 ở trang 12.
26		! Hãy nhập thông tin được ghi trên Phiếu khấu trừ thuế tại nguồn từ màn hình “Thu nhập từ tiền lương hoặc các thu nhập khác như lương hưu công”. Click vào nút 入力する (“Nhập”)

Số	Màn hình	Cách thao tác
27		Chọn “Loại Bảo hiểm xã hội” Nhập số tiền đã đóng trong 1 năm đối với từng loại bảo hiểm vào ô trống của phần “支払保険料” (“Chi phí bảo hiểm đã đóng”).
28		Nếu đang đóng tiền Bảo hiểm y tế quốc gia thì chọn dòng thứ 3 từ trên xuống và nhập tổng số tiền bảo hiểm y tế quốc gia đã đóng trong 1 năm (từ tháng 1 đến tháng 12) vào ô trống. Nếu không đóng bảo hiểm này thì không cần nhập. Sau khi nhập xong click vào nút 入力内容の確認 (“Kiểm tra nội dung đã nhập”).
29		Nếu đang đóng tiền Bảo hiểm hưu trí quốc gia thì chọn dòng thứ 6 từ trên xuống và nhập tổng số tiền Bảo hiểm hưu trí quốc gia đã đóng trong 1 năm (từ tháng 1 đến tháng 12) vào ô trống. Nếu không đóng bảo hiểm này thì không cần nhập. Sau khi nhập xong click vào nút 入力内容の確認 (“Kiểm tra nội dung đã nhập”).

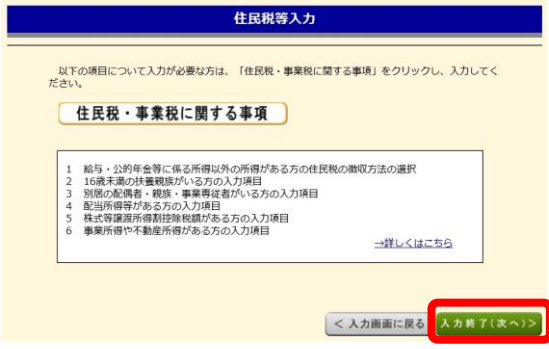
Số	Màn hình	Cách thao tác
30		(Trường hợp có khoản Bảo hiểm xã hội khác cần nhập, click vào nút 別の社会保険料を入力する (“Nhập khoản Bảo hiểm xã hội khác”) rồi nhập chữ số theo cách làm tương tự.) Sau khi đã nhập xong tất cả các khoản Bảo hiểm xã hội, click vào nút 次へ進む (“Đi tiếp”)
31		Trường hợp bạn đang đóng các khoản quyền góp (như Furusato Nouzei-đồng thuế cho quê hương, v.v..). Click vào nút “Nhập” ở phần “Khấu trừ cho các khoản quyền góp” Nếu không đóng thì không click, chuyển sang mục 37 ở trang 14.
32		Click vào nút 入力する (“Nhập”)
33		Nhập “Ngày tháng năm quyền góp”. Chọn “Loại tiền quyền góp”. Nhập “Số tiền đã quyền góp” ghi trên từng giấy xác nhận. Nhập “Địa chỉ nơi nhận tiền quyền góp” * Nhập dưới 28 ký tự định dạng 2 byte (Zenkaku). Nhập “Tên của nơi nhận tiền quyền góp” * Nhập dưới 28 ký tự định dạng 2 byte (Zenkaku).

Số	Màn hình	Cách thao tác
34		国に対する寄附金 Khoản quyền góp cho nhà nước 都道府県、市区町村に対する寄附金（ふるさと納税など） Khoản quyền góp cho tỉnh thành, địa phương (như furusato nouzei-đóng thuế cho quê hương, v.v...) 日本赤十字社支部に対する寄附金 Khoản quyền góp cho Hội Chữ thập đỏ Nhật Bản 共同募金会に対する寄附金 Khoản quyền góp cho tổ chức từ thiện Central Community Chest of Japan 政党及び政治資金団体に対する寄附金 Khoản quyền góp cho các đảng phái và nhóm tài trợ chính trị 認定NPO法人等に対する寄附金 Khoản quyền góp cho các tổ chức phi lợi nhuận 公益社団法人又は公益財団法人等に対する寄附金 Khoản quyền góp cho các hiệp hội hợp nhất vì lợi ích công cộng hoặc các quỹ hợp nhất vì lợi ích công cộng. 上記以外の寄附金控除に該当する寄附金 Các khoản quyền góp được khấu trừ không thuộc các nội dung trên
35		Trường hợp đang tham gia furusato nouzei, hãy nhập “Ngày tháng năm đóng tiền” vào phần [支払年月日] ghi trên Giấy xác nhận khấu trừ cho các khoản quyền góp, và chọn [都道府県、市区町村に対する寄附金（ふるさと納税など）] (“Khoản quyền góp cho tỉnh thành, địa phương (như furusato nouzei-đóng thuế cho quê hương, v.v..”) ở mục thứ 2 từ trên xuống trong phần “Loại tiền quyền góp” 国に対する寄附金 都道府県、市区町村に対する寄附金（ふるさと納税など） 日本赤十字社支部に対する寄附金 共同募金会に対する寄附金 政党及び政治資金団体に対する寄附金 認定NPO法人等に対する寄附金 公益社団法人又は公益財団法人等に対する寄附金 上記以外の寄附金控除に該当する寄附金 Nếu không đóng thì không cần nhập. Trường hợp furusato nouzei, check vào mục「市区町村に対する寄附」（“Quyền góp cho địa phương”）rồi chọn địa phương mà bạn đã quyền góp từ list box. 都道府県又は市区町村のどちらに対する寄附か選択してください。 ☐ 都道府県に対する寄附 ☐ 市区町村に対する寄附 リストボックスから都道府県名又は市区町村名を選択すると、寄附先の所在地及び名称が自動的に表示されます。 ※ 市区町村を選択した場合は、「都道府県」、「市区町村」の順にそれぞれ選択してください。 - 都道府県を選択 - - 市区町村を選択 - Nhập số tiền đã đóng. Sau khi nhập xong,click vào nút 入力内容の確認 (“Kiểm tra nội dung đã nhập”).

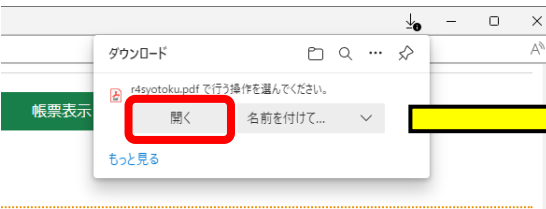
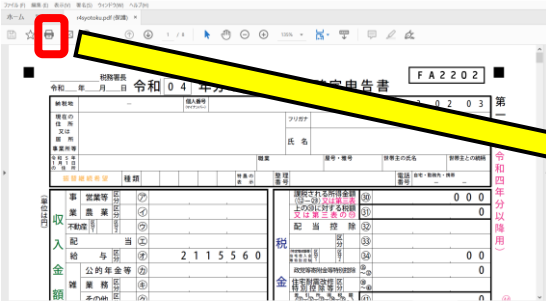
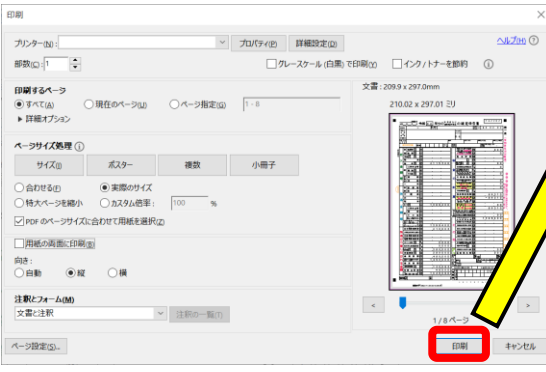
Số	Màn hình	Cách thao tác																																																								
36	寄附金控除、税控等寄附金等特別控除の入力 証明書等の入力 高附先等から交付された証明書の入力 書面で交付された証明書の入力 ■書面で交付された証明書等について、「入力する」ボタンをクリックして入力してください。（最大150件） ※同一内容の複数入力（特に自動入力されたデータとの重複）にはご注意ください。 入力内容の一覧 <table><tr><th>寄附年月日</th><th>寄附金の種類 寄附金の種類（詳細）</th><th>支出した寄附金の金額</th><th>寄附先の所在地 寄附先の名称</th><th>操作</th></tr><tr><td>1 令和4年9月10日</td><td>都道府県、市区町村に対する寄附金 （ふるさと納税など）</td><td>50,000 円</td><td>東京都千代田区九段南 1丁目2-1 千代田区</td><td>訂正 削除</td></tr></table> 別の寄附金を入力する データで交付された証明書の入力 寄附先等から交付された「xmlデータ」（添付子が「xml」のもの）を取り込んで自動計算しますか？ ☐ はい ☒ いいえ 前に戻る 次へ進む	寄附年月日	寄附金の種類 寄附金の種類（詳細）	支出した寄附金の金額	寄附先の所在地 寄附先の名称	操作	1 令和4年9月10日	都道府県、市区町村に対する寄附金 （ふるさと納税など）	50,000 円	東京都千代田区九段南 1丁目2-1 千代田区	訂正 削除	(Trường hợp có khoản quyền góp nào khác cần nhập thì click vào nút 別の寄附金を入力する (“Nhập khoản tiền quyền góp khác”) rồi nhập chữ số theo cách làm tương tự.) Sau khi đã nhập tất cả các khoản tiền quyền góp, Click vào nút 次へ進む (“Đi tiếp”)																																														
寄附年月日	寄附金の種類 寄附金の種類（詳細）	支出した寄附金の金額	寄附先の所在地 寄附先の名称	操作																																																						
1 令和4年9月10日	都道府県、市区町村に対する寄附金 （ふるさと納税など）	50,000 円	東京都千代田区九段南 1丁目2-1 千代田区	訂正 削除																																																						
37	所得控除 (単位: 円) <table><tr><th>所得控除の種類 (全所得控除の事項は二つある)</th><th>入力・訂正 内容確認</th><th>入力 有無</th><th>入力内容から計算した控除額 (※をクリックすると表示金額の解説を確認できます。)</th></tr><tr><td>雑所得控除</td><td>入力する</td><td></td><td></td></tr><tr><td>医療費控除</td><td>訂正・内容確認</td><td>✓</td><td>130,080</td></tr><tr><td>社会保険料控除</td><td>訂正・内容確認</td><td>✓</td><td>210,000</td></tr><tr><td>小規模企業共済等掛金控除</td><td>入力する</td><td></td><td></td></tr><tr><td>生命保険料控除</td><td>入力する</td><td></td><td></td></tr><tr><td>地震保険料控除</td><td>入力する</td><td></td><td></td></tr><tr><td>寄附金控除</td><td>訂正・内容確認</td><td>✓</td><td>48,000</td></tr><tr><td>雑損・ひとり親控除</td><td>入力する</td><td></td><td></td></tr><tr><td>勤労学生控除</td><td>入力する</td><td></td><td></td></tr><tr><td>障害者控除</td><td>入力する</td><td></td><td></td></tr><tr><td>配偶者控除</td><td>入力する</td><td></td><td></td></tr><tr><td>配偶者特別控除</td><td>入力する</td><td></td><td></td></tr><tr><td>扶養控除</td><td>入力する</td><td></td><td></td></tr></table>	所得控除の種類 (全所得控除の事項は二つある)	入力・訂正 内容確認	入力 有無	入力内容から計算した控除額 (※をクリックすると表示金額の解説を確認できます。)	雑所得控除	入力する			医療費控除	訂正・内容確認	✓	130,080	社会保険料控除	訂正・内容確認	✓	210,000	小規模企業共済等掛金控除	入力する			生命保険料控除	入力する			地震保険料控除	入力する			寄附金控除	訂正・内容確認	✓	48,000	雑損・ひとり親控除	入力する			勤労学生控除	入力する			障害者控除	入力する			配偶者控除	入力する			配偶者特別控除	入力する			扶養控除	入力する			Trường hợp có vợ/chồng là người phụ thuộc, click vào nút “Nhập” trong phần Khấu trừ cho vợ/chồng Khấu trừ đặc biệt cho vợ/chồng 配偶者控除 ? 配偶者特別控除 ? 入力する Nếu không có vợ/chồng phụ thuộc thì không click, chuyển đến mục ④⑩ ở trang 15. * Nếu vợ/ chồng có thu nhập, tùy vào số tiền thu nhập có thể sẽ không được khấu trừ.
所得控除の種類 (全所得控除の事項は二つある)	入力・訂正 内容確認	入力 有無	入力内容から計算した控除額 (※をクリックすると表示金額の解説を確認できます。)																																																							
雑所得控除	入力する																																																									
医療費控除	訂正・内容確認	✓	130,080																																																							
社会保険料控除	訂正・内容確認	✓	210,000																																																							
小規模企業共済等掛金控除	入力する																																																									
生命保険料控除	入力する																																																									
地震保険料控除	入力する																																																									
寄附金控除	訂正・内容確認	✓	48,000																																																							
雑損・ひとり親控除	入力する																																																									
勤労学生控除	入力する																																																									
障害者控除	入力する																																																									
配偶者控除	入力する																																																									
配偶者特別控除	入力する																																																									
扶養控除	入力する																																																									
38	国庫等 令和4年度 所得税 確定申告書作成コーナー 配偶者（特別）控除の入力 青色申告者の事業所得者として知事の委託を受けている方及び白色申告者の事業所得者は、配偶者（特別）控除の対象になりません。 天候の都合で互いに配偶者（特別）控除の適用を受けることはできません。 配偶者の氏名（生年月日） 配偶者の生年月日 配偶者の障害者の該当 ☒ 障害者の該当についてはこちら 障害者の場合は選択してください。	Nhập họ tên và ngày tháng năm sinh của vợ/ chồng đang phụ thuộc * Cách nhập ngày tháng năm sinh giống như cách nhập ngày tháng năm sinh của bản thân ở phần đầu.																																																								
39	☐ 配偶者の方が非居住者である。 ☒ 必要書類のご案内 別居の該当 ☐ 配偶者の方と別居している。 配偶者の所得金額 ☐ 入力済みの場合 配偶者の給与の 収入 金額 給与所得の源泉徴収票の収入金額の合計を入力してください。 配偶者の平均的な所得の 収入 金額 平均的な所得の源泉徴収票の収入金額の合計を入力してください。 配偶者の上記以外の 所得 金額 収入金額のうち必要書類を提出しなかった等の金額を入力してください。 前に戻る 次へ進む	国外居住親族 ? 別居の該当 ☐ 配偶者の方が非居住者である。 ☐ 配偶者の方と別居している。 ☒ 必要書類のご案内 Click vào đây nếu vợ hoặc chồng đang phụ thuộc là không phải người thường trú tại Nhật. Sau khi nhập xong, click vào nút 次へ進む (“Đi tiếp”).																																																								

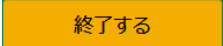
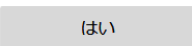
Số	Màn hình	Cách thao tác
	Khấu trừ người phụ thuộc	
④0		Trường hợp có người phụ thuộc ngoài vợ/chồng  Click vào nút “Nhập” trong phần “Khấu trừ người phụ thuộc” Nếu không có người phụ thuộc thì không click, chuyển đến mục ④6 ở trang 16.
④1		Click vào nút “Nhập”
④2		続柄  Con Bố Mẹ Ông Bà Cháu Không phải người thân Người thân khác Nhập ngày tháng năm sinh của từng người phụ thuộc. * Vợ hoặc chồng đã nhập rồi nên không nhập vào đây. Cách nhập ngày tháng năm sinh giống như cách nhập ngày tháng năm sinh của bản thân ở phần đầu.
④3		国外居住親族 扶養親族の方が非居住者である。 別居の該当 Click vào đây nếu người phụ thuộc là không phải người thường trú tại Nhật. Nếu có từ 2 người phụ thuộc trở lên thì click vào 続けてもう1人入力 (“Tiếp tục nhập thêm 1 người nữa”) và nhập giống cách nhập người thứ 1. Sau khi nhập xong thì click vào nút 入力内容の確認 (“Xác nhận nội dung đã nhập”).

Số	Màn hình	Cách thao tác																																													
44	扶養親族について、「入力する」ボタンをクリックして入力してください。（最大16歳未満6人・16歳以上6人） ※ 満16歳未満の扶養親族の方をこの画面に入力すると、「住民税等」の入力画面に引き継がれます。 入力内容の一覧 <table><tr><th>扶養親族の氏名</th><th>続柄</th><th>生年月日</th><th>年齢</th><th>扶養控除額</th><th>操作</th></tr><tr><th></th><th></th><th></th><th></th><th>標準控除額</th><th></th></tr><tr><td>1</td><td>子</td><td>平成17年9月1日</td><td>17歳</td><td>380,000円</td><td>訂正 削除</td></tr><tr><td>2</td><td>子</td><td>平成20年10月1日</td><td>14歳</td><td>0円</td><td>訂正 削除</td></tr></table> 別の扶養親族を入力する (注) 扶養親族のうち、満16歳未満の扶養親族の方については、扶養控除の適用はありません。 前に戻る 次へ進む	扶養親族の氏名	続柄	生年月日	年齢	扶養控除額	操作					標準控除額		1	子	平成17年9月1日	17歳	380,000円	訂正 削除	2	子	平成20年10月1日	14歳	0円	訂正 削除	Click vào nút 次へ進む (“Đi tiếp”).																					
扶養親族の氏名	続柄	生年月日	年齢	扶養控除額	操作																																										
				標準控除額																																											
1	子	平成17年9月1日	17歳	380,000円	訂正 削除																																										
2	子	平成20年10月1日	14歳	0円	訂正 削除																																										
45	確認 年末時点で16歳未満となる方は、扶養控除の対象とはなりません。 入力した情報は、「住民税・事業税に関する事項の入力」画面に引き継がれます。 入力内容に誤りがない場合は、「はい」を、入力内容を確認する場合は、「いいえ」をクリックしてください。 (TA-W766003) はい	Nếu người phụ thuộc được nhập dưới 16 tuổi, thông báo bên trái sẽ được hiển thị, vì vậy: Click vào nút はい (“Đúng”).																																													
46	<table><tr><td>高増金控除</td><td>訂正・内容確認</td><td>✓</td><td>48,000</td><td></td></tr><tr><td>竊盗・ひとりで税控除</td><td>入力する</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>勤労学生控除</td><td>入力する</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>障害者控除</td><td>入力する</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>配偶者控除</td><td>訂正・内容確認</td><td>✓</td><td>380,000</td><td></td></tr><tr><td>配偶者特別控除</td><td>訂正・内容確認</td><td>✓</td><td>0</td><td></td></tr><tr><td>扶養控除</td><td>訂正・内容確認</td><td>✓</td><td>380,000</td><td></td></tr><tr><td>基礎控除</td><td></td><td></td><td>480,000</td><td></td></tr><tr><td>合計</td><td></td><td></td><td>1,628,080</td><td></td></tr></table> ※ ・ 災害により住宅や家財に被害を受け、雑損控除と災害減免法による税金の減免のいずれかを選択して適用できる場合は、所得税額（国税）について有利な方法を自動で判定し計算します。 ・ 支出した寄附金について、所得控除又は税額控除のいずれかを選択して適用できる場合は、所得税額（国税）が最も少なくなるように自動で判定し計算します。 < 戻る 入力終了(次へ)>	高増金控除	訂正・内容確認	✓	48,000		竊盗・ひとりで税控除	入力する				勤労学生控除	入力する				障害者控除	入力する				配偶者控除	訂正・内容確認	✓	380,000		配偶者特別控除	訂正・内容確認	✓	0		扶養控除	訂正・内容確認	✓	380,000		基礎控除			480,000		合計			1,628,080		Sau khi nhập xong, click vào nút 入力終了(次へ)> (“Nhập xong (đi tiếp)”).
高増金控除	訂正・内容確認	✓	48,000																																												
竊盗・ひとりで税控除	入力する																																														
勤労学生控除	入力する																																														
障害者控除	入力する																																														
配偶者控除	訂正・内容確認	✓	380,000																																												
配偶者特別控除	訂正・内容確認	✓	0																																												
扶養控除	訂正・内容確認	✓	380,000																																												
基礎控除			480,000																																												
合計			1,628,080																																												
47	税額控除・その他の項目の入力 税額控除 (単位: 円) <table><tr><th>税額控除の種類</th><th>入力・訂正 内容確認</th><th>入力 有無</th><th>入力内容から計算した控除額 (2)から表示金額の説明を確認できます。)</th></tr><tr><td>配当控除</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>投資税額等控除</td><td>入力する</td><td></td><td></td></tr><tr><td>(特定増設等) 住宅借入金等特別控除</td><td>入力する</td><td></td><td></td></tr></table> その他の項目 (単位: 円) <table><tr><th></th><th>内容確認</th><th>有無</th><th></th></tr><tr><td>予定納税額</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>専従者控除額の合計額</td><td>入力する</td><td></td><td></td></tr><tr><td>平均課税対象金額</td><td>入力する</td><td></td><td></td></tr><tr><td>変動・臨時所得金額</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>本年分で差し引く繰越損失額</td><td>入力する</td><td></td><td>前年から繰り越された「上場株式等の譲渡損失」又は「先物取引に係る損失」がある方は、「収入金額・所得金額の入力」画面の「株式等の譲渡所得等」又は「先物取引に係る雑所得等」の入力画面から入力してください。</td></tr></table> < 戻る 入力終了(次へ)>	税額控除の種類	入力・訂正 内容確認	入力 有無	入力内容から計算した控除額 (2)から表示金額の説明を確認できます。)	配当控除				投資税額等控除	入力する			(特定増設等) 住宅借入金等特別控除	入力する				内容確認	有無		予定納税額				専従者控除額の合計額	入力する			平均課税対象金額	入力する			変動・臨時所得金額				本年分で差し引く繰越損失額	入力する		前年から繰り越された「上場株式等の譲渡損失」又は「先物取引に係る損失」がある方は、「収入金額・所得金額の入力」画面の「株式等の譲渡所得等」又は「先物取引に係る雑所得等」の入力画面から入力してください。	Click vào nút 入力終了(次へ)> (“Nhập xong (đi tiếp)”).					
税額控除の種類	入力・訂正 内容確認	入力 有無	入力内容から計算した控除額 (2)から表示金額の説明を確認できます。)																																												
配当控除																																															
投資税額等控除	入力する																																														
(特定増設等) 住宅借入金等特別控除	入力する																																														
	内容確認	有無																																													
予定納税額																																															
専従者控除額の合計額	入力する																																														
平均課税対象金額	入力する																																														
変動・臨時所得金額																																															
本年分で差し引く繰越損失額	入力する		前年から繰り越された「上場株式等の譲渡損失」又は「先物取引に係る損失」がある方は、「収入金額・所得金額の入力」画面の「株式等の譲渡所得等」又は「先物取引に係る雑所得等」の入力画面から入力してください。																																												

Số	Màn hình	Cách thao tác
48		Số tiền hoàn lại được hiển thị. Click vào nút  (“Đi tiếp”)
49		Sau khi nhập xong, click vào nút  (“Nhập xong (đi tiếp)”)
50		Số tiền hoàn lại sẽ được hiển thị một lần nữa. Click vào một trong những mục dưới đây, tương ứng với cách nhận lại tiền mà bạn chọn. (1) Nếu “Chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng khác với ngân hàng Yucho” thì chọn [ゆうちょ銀行以外の銀行等への振込み] (2) Nếu “Chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng Yucho” thì chọn [ゆうちょ銀行への振込み] (3) Không click vào [ゆうちょ銀行の各店舗又は郵便窓口での受取り] (“Nhận tại các chi nhánh của ngân hàng Yucho hoặc tại các quầy bưu điện”). (4) Nếu bạn muốn được chuyển khoản vào tài khoản nhận các khoản tiền nhà nước đã đăng ký từ trước, chọn [公金受取口座への振込み].
51		Nhập địa chỉ.

Số	Màn hình	Cách thao tác
52		52 Nhập các thông tin như họ tên, v.v... Họ tên (phiên âm Furigana). *Tối đa 11 ký tự định dạng 2 byte (Zenkaku) Họ tên (Kanji hoặc chữ latin). *Tối đa 10 ký tự định dạng 2 byte (Zenkaku) Số điện thoại Chủ hộ Mối quan hệ với chủ hộ Nghề nghiệp Tên giao dịch/biệt danh Lưu tạm thời những dữ liệu đã nhập. Click vào nút 次へ進む (“Đi tiếp”).
53		53 Nhập mã số cá nhân (my number) (12 chữ số) vào đây. Nếu nhập nhầm số, một thông báo sẽ được hiển thị, hãy click vào OK và nhập số chính xác. Click vào nút 次へ進む (“Đi tiếp”).
54		54 Trường hợp không có mã số cá nhân (my number) Nếu bạn không có mã số cá nhân (my number) thì để trống và click vào nút [次へ進む] (“Đi tiếp”). Khi thông báo bên trái hiển thị thì click vào nút いいえ (“Không”).
55		55 Chọn biểu mẫu để in. Tất cả các mục đều được đang ở trạng thái được chọn. Click vào nút 帳票表示・印刷 (“Hiện thị/in biểu mẫu”).

Số	Màn hình	Cách thao tác
56		開く Click vào nút (“Mở”) được hiển thị ở cuối màn hình. * Cần cài đặt sẵn Acrobat Reader.
57		Tờ khai quyết toán thuế sẽ in được hiển thị. Click vào biểu tượng để in ra.
58		印刷 Khi click vào nút (“In ra”) thì tờ khai quyết toán thuế sẽ được in ra. Trên bản dùng để nộp, hãy ghi địa chỉ, họ tên, v.v... như đã điền trên trang 21 đến trang 24, nộp cho Sở thuế cùng với các giấy tờ đính kèm. Hướng dẫn gửi qua đường bưu điện được mô tả ở trang 26. Trên bản sao lưu dùng cho cá nhân, ở góc trái có in chữ (“Bản sao”). Không nộp bản sao lưu cho Sở thuế.
59		次へ進む Click vào nút (“Đi tiếp”)

Số	Màn hình	Cách thao tác
60		Về thao tác sau khi in tờ khai Nếu muốn lưu dữ liệu đã nhập, thì click vào  ("Lưu dữ liệu đã nhập").
61		Thời hạn nộp tờ khai: <u>Từ ngày 16 tháng 2 năm 2023 (thứ Năm)</u> <u>đến ngày 15 tháng 3 năm 2023 (thứ Tư)</u> *Tuy nhiên, tờ khai hoàn thuế có thể nộp từ tháng 1 năm 2023.
62		Click vào nút  ("Kết thúc").
63		Khi click vào nút  ("Đúng") thì sẽ kết thúc.

Các hạng mục cần điền vào tờ khai quyết toán thuế

税務署長 令和 年 月 日 令和 0 4 年分の所得税及び復興特別所得税の確定申告書 F A 2 2 0 2

納税地 個人番号 生年月日 3 4 3 0 2 0 3

現在の住所又は居所 事業所等 フリガナ 氏名 氏名

令和 5 年 1 月 1 日の住所 職業 番号・雅号 世帯主の氏名 世帯主との続柄

振替継続希望 種類 特記事項 整理番号 電話番号 自宅・勤務先・携帯

日本国政府 在留カード 氏名 生年月日 年 月 日 性別 国籍・地域 住所 在留資格 在留期間(満了日) 許可の種類 許可年月日 有効年月日

このカードは 年 月 日まで有効です。 法務大臣 職印

事業等 ① 農業 ② 不動産 ③ 配当 ④ 給与 ⑤ 公的年金等 ⑥ 業務 ⑦ その他 ⑧ ⑨ ⑩ ⑪ ⑫ ⑬ ⑭ ⑮ ⑯ ⑰ ⑱ ⑲ ⑳ ㉑ ㉒ ㉓ ㉔ ㉕ ㉖ ㉗ ㉘ ㉙ ㉚ ㉛ ㉜ ㉝ ㉞ ㉟ ㊱ ㊲ ㊳ ㊴ ㊵ ㊶ ㊷ ㊸ ㊹ ㊺ ㊻ ㊼ ㊽ ㊾ ㊿

社会保険料控除 小規模企業共済等掛金控除 生命保険料控除 地震保険料控除 勤労学生・障害者控除 扶養控除 基礎控除 雑損控除 医療費控除 寄附金控除 合計

源泉徴収税額 申告納税額 予定納税額 第3期分の税額 修正前の第3期分の税額 第3期分の税額の増加額 公的年金等以外の合計所得金額 配偶者の合計所得金額 専従者給与(控除)額の合計額 青色申告特別控除額 雑所得・一時所得等の源泉徴収税額の合計額 未納付の源泉徴収税額 本年分で差し引く繰越損失額 平均課税対象金額 変動・臨時所得金額 申告期限までに納付する金額 延納届出額

延納届出 申告期限までに納付する金額 延納届出額

還付される税額の所 郵便局名等 口座番号 記号番号 公金受取口座登録の同意 公金受取口座の利用

整理番号 整理欄 管理 名簿

区分 異動 補完 1 4 確認

納管 事業 住民 資産 総合 分離 換算 適信 日付印 年月日 一連 番号

第一表 (令和四年分以降用)

単位は円

受付印

所得金額等

所得から差し引かれる金額

その他

延納届出

還付される税額の所

整理欄

管理

名簿

区分

異動

補完

1

4

確認

納管

事業

住民

資産

総合

分離

換算

適信

日付印

年月日

一連

番号

単位は円

受付印

所得金額等

所得から差し引かれる金額

その他

延納届出

還付される税額の所

整理欄

管理

名簿

区分

異動

補完

1

4

確認

納管

事業

住民

資産

総合

分離

換算

適信

日付印

年月日

一連

番号

令和 0 4 年分の所得税及び復興特別所得税の確定申告書

添付書類台紙

現在の住所又は居所等	Địa chỉ	フリガナ氏名	Họ tên
------------	---------	--------	--------

① の り し ろ

本人確認書類（写）

※ 申告書を提出する際には、毎回、本人確認書類の提示又は写しの添付が必要です。

◆ マイナンバーカード（個人番号カード）をお持ちの方

マイナンバーカードの表面及び裏面の写しを貼ってください。

◆ マイナンバーカードをお持ちでない方

「Ⅰ 番号確認書類」の写しと「Ⅱ 身元確認書類」の写しをそれぞれ貼ってください。

※ 原本を貼ることのないよう、ご注意ください。

Ⅰ 番号確認書類	+	Ⅱ 身元確認書類
《ご本人のマイナンバーを確認できる書類の写し》 ・ 通知カード （現在の氏名・住所等が記載されている場合に 限ります。） ・ 住民票の写し又は住民票記載事項証明書 （マイナンバーの記載があるものに限ります。） などのうちいずれか1つ		《記載したマイナンバーの持ち主であることを 確認できる書類の写し》 ・ 運転免許証 ・ 公的医療保険の被保険者証 （保険者番号及び被保険者等記号・番号部分をマス キング（塗りつぶし）してください。） ・ パスポート ・ 身体障害者手帳 ・ 在留カード などのうちいずれか1つ

- 申告に当たっては、上記及び社会保険料控除、小規模企業共済等掛金控除、生命保険料控除、地震保険料控除、寄附金控除関係書類（該当するものに限ります。）などを、この台紙にのりづけし申告書と一緒に提出するか、申告書を提出する際に提示してください。
- 上記以外の書類は、この台紙の裏面や適宜の用紙に貼ってください。

e-Tax で送信すれば 書類の添付 が 不要※ になります ！

※一部の書類を除きます。

[illegible]

提出書類等のご案内（この紙は提出不要です）

補完記入	文字数制限で入力できなかった項目や、正しく印字されていない項目は手書きで記入してください。
-------------	---

添付書類の提出準備	以下の添付書類を準備してください。 ☐ 社会保険料（国民年金保険料等）控除証明書 ☐ 寄附した団体等から交付を受けた寄附金の受領証等
------------------	---

Vui lòng không gửi 4 tờ này vì đây là bản để lưu.

Ngoài ra, những tờ này không phải là giấy chứng nhận.

日付印が必要なもの （注1）郵便又は信書便で送付する方は、送達日付印が令和5年3月15日（水）以前のものであることを確認してください。 （注2）申告書の控えに押印した收受日付印は收受の事実を確認するものであり、送達が必要なのは納税証明書をご利用ください。	一緒に提出してください。 提出先（郵送等で提出する際には必ず）
---	---

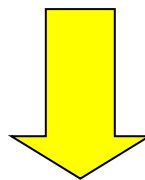
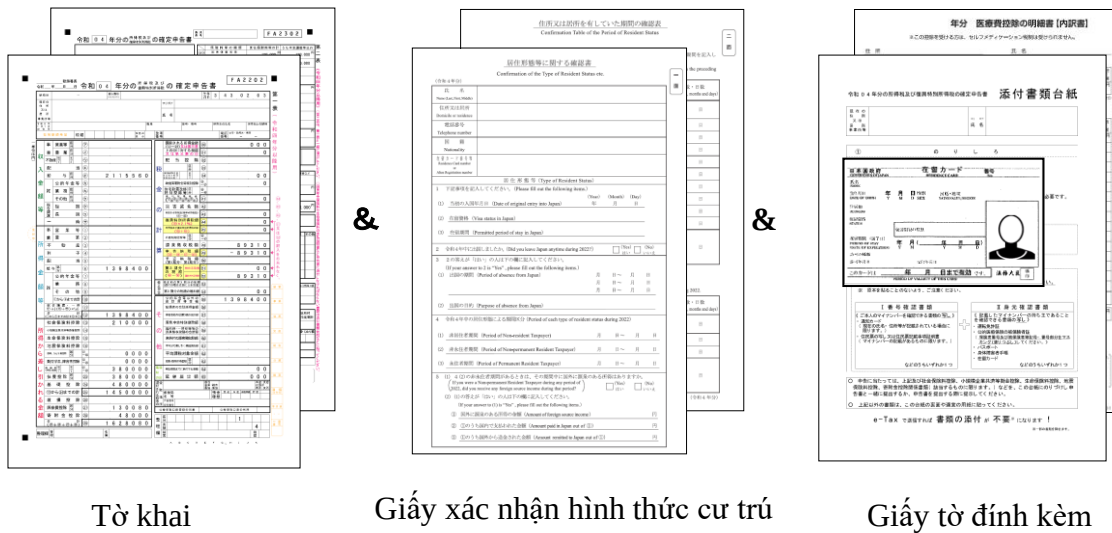
還付金の振込について

還付金の振込先口座は、申告された方の本人名義に限り（店名、事務所名などの名称（屋号）が含まれる場合などは振込みできない場合があります。）。

なお、一部のインターネット専用銀行については、還付金の振込みができませんので、振込みの可否について、あらかじめご利用の金融機関にご確認ください。



Nơi nộp tờ khai quyết toán thuế và các giấy tờ đính kèm



Cho vào phong bì

Nơi nộp tờ khai quyết toán thuế và các giấy tờ đính kèm

Vui lòng nộp tờ khai quyết toán thuế và các giấy tờ đính kèm cho Sở thuế có thẩm quyền.

Với một số Sở thuế, Trung tâm Điều hành sẽ là nơi tiếp nhận tờ khai quyết toán thuế gửi qua đường bưu điện.

Thông tin về địa chỉ của các Sở thuế có thẩm quyền hoặc Trung tâm Điều hành, xin vui lòng tham khảo trên trang chủ của Tổng cục Thuế Quốc gia

(<https://www.nta.go.jp/about/organization/access/map.htm#map>)

